

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2022/HSST
Ngày: 20/4/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Thảo và ông Lê Văn Tập

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Bắc - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20/4/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 63/2022/HSST, ngày 04 tháng 03 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐXXST-HS, ngày 28 tháng 03 năm 2022 và Thông báo chuyển lịch xét xử ngày 06/4/2022, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vương Hoàng G** - Sinh năm 1972, tại tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: T 2, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: thợ xây; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vương Hoàng T (đã chết) con bà Hoàng Thị Q (đã chết); Bị cáo có vợ là Bùi Thị Kim P, sinh năm: 1976; Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm: 1998, con nhỏ nhất sinh năm: 2009; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Hiện bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột từ ngày 21/10/2021 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Hà Văn B** - Sinh năm 1984, tại tỉnh Thanh Hóa

Nơi cư trú: Buôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: thợ điện lạnh; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Văn B, sinh năm: 1955; con bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1959; Bị cáo có vợ là Lương Thị M, sinh

năm: 1984 (đã ly hôn); Bị cáo có 01 con sinh năm: 2011; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Hiện bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột từ ngày 21/10/2021 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn S** - Sinh năm 1981, tại tỉnh An Giang.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã K, huyện A, tỉnh An Giang;

Chỗ ở hiện nay: Buôn S, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L (đã chết), con bà Lê Thị D (đã chết); Bị cáo sinh sống như vợ chồng với chị Đinh Thị T, sinh năm: 1983 (Không đăng ký kết hôn); Bị cáo chưa có con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Hiện bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột từ ngày 21/10/2021 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Ông Nguyễn Lâm T – Sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: 05 đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Y – Sinh năm: 1990 (có mặt); Địa chỉ: Buôn S, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

2. Bà Bùi Thị Kim P (L) – Sinh năm: 1976 (có mặt); Địa chỉ: T2, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

3. Ông Hà Văn B – Sinh năm: 1955 (có mặt); Địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

- **Người làm chứng:** Ông Đàm Xuân L – Sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: 05 đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 6 năm 2021, Vương Hoàng G được anh Nguyễn Công V (chưa xác định nhân thân lai lịch) thuê làm công nhân xây dựng tại công trình nhà liền kề khu Eco Green, thường gọi là “Eco City” thuộc địa bàn phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, do anh V đứng ra nhận khoán. Quá trình làm việc, G còn gọi thêm 04 người khác cùng làm tại công trình xây dựng cho anh V. Đến khoảng cuối tháng 6 năm 2021, G nghỉ làm và nhiều lần gọi điện thoại nhưng anh V vẫn chưa thanh

toán hết tiền công cho G. Vào sáng ngày 08/8/2021, G gặp và uống rượu với Nguyễn Văn S và Hà Văn B, tại quán ăn của S tại địa chỉ: Buôn S, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình uống rượu, G kể về việc anh V nợ tiền công rồi nhờ S và B đi đến phòng trọ của V để đòi tiền, đồng thời hứa hẹn nếu đòi được tiền thì sẽ cho tiền nên S và B đồng ý. Sau đó, S đã điện thoại rủ Y (sinh năm 1990, trú tại: Buôn S, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk) đi cùng, thì Y đi đến quán của S, thì được S nói đi đòi tiền công cho ông G. Nghe vậy, Y nói *“đi đòi nợ tiền phải có giấy xác nhận ngày công”* thì G nói *“có rồi”*, nên Y đồng ý đi cùng cả nhóm. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, G cùng S, B và Y đi đến phòng trọ số 07, thuộc dãy trọ tại địa chỉ: 05 đường Đ, phường T, thành phố B, thì gặp anh Nguyễn Lâm T (sinh năm 1980, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: K15, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, là người cùng làm ở công trình Eco City với G và ở phòng trọ cùng anh V). Tại đây, G cùng S, B vào phòng nói chuyện về tiền công với anh T, còn Y đứng chờ ở khu vực hành lang của dãy phòng trọ. Sau khi anh T đưa tờ giấy chấm công và cùng G xác định tiền công còn lại anh V chưa trả cho G và 04 người công nhân khác mà G gọi vào làm cùng với tổng số tiền khoảng 15.000.000 đồng. Do anh T cũng là công nhân và có nhiệm vụ chấm công, nên T nói với nhóm của G về việc chỉ xác định ngày công, còn việc thanh toán tiền công thì phải nói với anh V. Nghe vậy, G yêu cầu anh T gọi điện thoại cho V để xác nhận nợ tiền công và đòi tiền thì anh T không đồng ý gọi. Lúc này, B nhìn thấy anh T có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 6, loại 16GB, màu bạc, (màu xám), đang sạc pin trong phòng, nên nói với G và S giữ chiếc điện thoại của anh T và viết giấy thể hiện việc giữ chiếc điện thoại rồi yêu cầu anh T ký xác nhận, để anh T có trách nhiệm liên lạc với anh V yêu cầu trả tiền nhân công cho G, thì G và S đồng ý. Sau đó, G lấy bút viết vào mặt sau tờ giấy chấm công (do anh T đưa cho trước đó), quá trình G viết thì S và B có trao đổi, góp ý nội dung để G viết. Sau khi G viết xong, B xem lại nội dung và viết bổ sung thêm vào phần cuối với nội dung *“Sẩy ra viết gì tôi chịu trách nhiệm”* *“người giao nộp”* *“chủ nợ Vương Hoàng G”* rồi đưa lại cho G. Tiếp đó, G, S và B đã dùng nhiều lời nói lớn tiếng đe dọa, ép buộc để yêu cầu anh T đưa điện thoại và ký xác nhận vào tờ giấy trên, như B nói: *“Tao từng đi đòi nợ thuê rồi, mày đưa điện thoại rồi ký giấy tờ”* nhưng anh T vẫn không đồng ý và lấy chiếc điện thoại di động cất vào túi quần. Sau nhiều lần đe dọa bằng lời nói nhưng anh T vẫn không đưa chiếc điện thoại và ký vào nội dung tờ giấy trên, S đi ra ngoài hành lang của dãy phòng trọ và nói Y đi vào trong phòng trọ lấy chiếc điện thoại của anh T nhưng Y không đồng ý, vẫn đứng ngoài hành lang, nên S quay vào và đi đến dùng chân đạp vào người anh T, thì anh T lùi về ngói sát tường, lúc này S tiếp tục xông tới dùng tay đánh anh T nhiều cái từ trên xuống vào vùng đầu và vùng mặt của anh T, thì anh T dùng 02 tay ôm đầu và

mặt chống đỡ nên không bị thương tích. Do không thể chống trả và sợ tiếp tục bị đánh nên anh T đã lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 6 từ trong túi quần ra đặt trên chiếu để đưa cho G, thì G đi tới lấy được chiếc điện thoại. Sau khi lấy được chiếc điện thoại, G, S và B tiếp tục dùng lời nói lớn tiếng yêu cầu anh T ký giấy xác nhận nhưng anh T không ký mà đòi lại điện thoại di động nhưng G không trả, do sợ tiếp tục bị đánh nên anh T không dám tiếp tục đòi lại chiếc điện thoại. Để tiếp tục ép anh T ký giấy xác nhận, S đề nghị đưa chiếc điện thoại di động loại có màn hình trắng đen của S cho anh T sử dụng, đồng thời lúc này B lấy chiếc điện thoại di động Iphone 6 cùng tờ giấy xác nhận từ G để yêu cầu anh T ký nhưng anh T vẫn không đồng ý nên B đưa lại tờ giấy xác nhận cùng chiếc điện thoại di động cho G giữ rồi cả nhóm cùng nhau ra về. Sau khi xảy ra sự việc, anh T đã đến Công an phường T, thành phố B, trình báo nội dung sự việc.

Ngày 09/8/2021, Vương Hoàng G đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 6 16GB, màu bạc, (màu xám), số Imel: 35440606978927 và 01 tờ giấy chấm công, để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 173, ngày 03 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6, 16GB, màu bạc (màu xám), số Imei 35440606978927, đã qua sử dụng, vẫn còn đang hoạt động, kèm theo 01 ốp lưng bằng nhựa màu đỏ đen, vào thời điểm ngày 08/8/2021, trị giá 900.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 85/CT-VKS BMT ngày 03/03/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, đã truy tố bị cáo Vương Hoàng G, Nguyễn Văn S và Hà Văn B về tội: “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Vương Hoàng G, Nguyễn Văn S và Hà Văn B theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Vương Hoàng G, Nguyễn Văn S và Hà Văn B phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Vương Hoàng G** mức án từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 09 tháng tù.

Xử phạt: Bị cáo **Hà Văn B** mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn S** mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Về xử lý vật chứng:

Đề nghị chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6, 16GB, màu bạc (màu xám), kèm theo 01 ốp lưng bằng nhựa màu đỏ đen, là tài sản của anh Nguyễn Lâm T nhận quản lý sử dụng.

Đối với 01 tờ giấy chấm công do các bị cáo sử dụng để viết vào mặt sau với nội dung thể hiện việc giữ chiếc điện thoại di động, anh T không yêu cầu nhận lại nên cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án để đảm bảo công tác xét xử.

- Về phần trách nhiệm dân sự:

Đề nghị chấp nhận các bị cáo Vương Hoàng G và Hà Văn B đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại, cụ thể: Chị Bùi Thị Kim P, là vợ của Vương Hoàng G và ông Hà Văn B, là cha đẻ của Hà Văn B đã tự nguyện bồi thường cho anh Nguyễn Lâm T tổng số tiền 20.000.000 đồng (mỗi người bồi thường số tiền 10.000.000 đồng). Sau khi nhận tiền, anh T không yêu cầu bồi thường gì thêm và tự nguyện viết đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho Vương Hoàng G, Nguyễn Văn S và Hà Văn B.

Các bị cáo không có ý kiến đối đáp tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không xuất trình thêm chứng cứ tài liệu gì, các bị cáo cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Vương Hoàng G, Nguyễn Văn S và Hà Văn B khai nhận: Do ý thức coi thường pháp luật nên vào khoảng 15 giờ 20 phút ngày 08/8/2021, tại phòng trọ số 7 thuộc dãy phòng trọ địa chỉ: 05 đường Đ, phường T, thành phố B, Vương Hoàng G, Nguyễn Văn S và Hà Văn B có hành vi sử dụng lời nói đe dọa và dùng tay, chân đánh anh Nguyễn Lâm T chiếm đoạt 01 chiếc điện

thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6, 16GB, màu bạc (màu xám), kèm theo 01 ốp lưng bằng nhựa màu đỏ đen, trị giá 900.000 đồng, thì bị phát hiện xử lý.

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Xét quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tại phiên toà vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Vương Hoàng G, Nguyễn Văn S và Hà Văn B về tội: “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Như vậy đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Hành vi của bị cáo Vương Hoàng G, Nguyễn Văn S và Hà Văn B đã phạm vào tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Điều 168 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết được hành vi “Cướp tài sản” là vi phạm pháp luật, nên vào khoảng 15 giờ 20 phút ngày 08/8/2021, tại phòng trọ số 7 thuộc dãy phòng trọ địa chỉ: 05 đường Đ, phường T, thành phố B, Vương Hoàng G, Nguyễn Văn S và Hà Văn B có hành vi sử dụng lời nói đe dọa và dùng tay, chân đánh anh Nguyễn Lâm T chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6, 16GB, màu bạc (màu xám), kèm theo 01 ốp lưng bằng nhựa màu đỏ đen, trị giá 900.000 đồng.

Trong vụ án này có 03 bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo khác nhau do vậy cần phân tích cụ thể để áp dụng mức hình phạt đối với từng bị cáo cho phù hợp cụ thể:

Đối với bị cáo Vương Hoàng G là người rủ các bị cáo khác đi đòi tiền nợ công, quá trình đòi nợ tiền bị cáo thực hiện với vai trò chính, tích cực nhất, bị cáo là người trực tiếp viết giấy nhằm chiếm đoạt chiếc điện thoại di động và cùng với 02 bị cáo còn lại đe dọa người bị hại. Ngoài ra, bị cáo G còn là người trực tiếp chiếm đoạt chiếc điện thoại từ anh T nên hình phạt đối với bị cáo phải cao hơn bị cáo S và bị cáo B. Đối với bị cáo S là người trực tiếp dùng vũ lực đánh anh Nguyễn Lâm T nhằm mục đích buộc người bị hại phải đưa chiếc điện thoại di động cho G, còn bị cáo B, ngoài hành vi sử dụng lời nói đe dọa người bị hại, B còn giúp G viết giấy tạm giữ chiếc điện thoại nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Do vậy cũng cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo S và

bị cáo B và mức hình phạt của bị cáo S và bị cáo B ngang bằng nhau và thấp hơn so với bị cáo G là phù hợp.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét về nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, khi phạm tội các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại, đối với bị cáo Nguyễn Văn S có bố là Nguyễn Văn L là người có công với cách mạng được tặng thưởng H chương Kháng chiến nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Vương Hoàng G, Hà Văn B theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Nguyễn Văn S để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo thể hiện tính nhân đạo khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Trong vụ án này, đối với Y khi đi cùng các bị cáo Vương Hoàng G, Hà Văn B và Nguyễn Văn S đến phòng trọ của anh Nguyễn Lâm T với mục đích là giúp G đòi tiền nhân công. Quá trình các bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc điện thoại di động của anh T thì anh Y đứng chờ ở khu vực ngoài hành lang của dãy phòng trọ, Y không có hành vi tham gia giúp sức, không thấy các bị cáo đánh và chiếm đoạt tài sản của anh T, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý, là phù hợp nên cần chấp nhận.

Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với bị cáo Vương Hoàng G, Nguyễn Văn S và Hà Văn B là phù hợp, cần chấp nhận.

[4] *Các biện pháp tư pháp*: Căn cứ Điều 46, Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự.

- *Về xử lý vật chứng*:

Cần chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6, 16GB, màu bạc (màu xám), kèm theo 01 ốp lưng bằng nhựa màu đỏ đen, là tài sản của anh Nguyễn Lâm T nhận quản lý sử dụng.

Đối với 01 tờ giấy chấm công do các bị cáo sử dụng để viết vào mặt sau với nội dung thể hiện việc giữ chiếc điện thoại di động, anh T không yêu cầu nhận lại nên cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- *Về phần trách nhiệm dân sự*:

Cần chấp nhận việc các bị cáo Vương Hoàng G và Hà Văn B đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại, cụ thể: Chị Bùi Thị Kim P, là vợ của Vương Hoàng G và ông Hà Văn B, là cha đẻ của bị cáo Hà Văn B đã tự nguyện bồi thường cho anh Nguyễn Lâm T tổng số tiền 20.000.000 đồng (mỗi người bồi thường số

tiền 10.000.000 đồng). Sau khi nhận tiền, anh T không yêu cầu bồi thường gì thêm và tự nguyện viết đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho Vương Hoàng G, Nguyễn Văn S và Hà Văn B.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Vương Hoàng G, Nguyễn Văn S và Hà Văn B phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

1. Xử phạt: Bị cáo **Vương Hoàng G** 03 (Ba) năm 02 (Hai) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/10/2021.

2. Xử phạt: Bị cáo **Hà Văn B** 03 (Ba) năm tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/10/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

3. Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn S** 03 (Ba) năm tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/10/2021.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Về xử lý vật chứng:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6, 16GB, màu bạc (màu xám), kèm theo 01 ốp lưng bằng nhựa màu đỏ đen, là tài sản của anh Nguyễn Lâm T nhận quản lý sử dụng.

Đối với 01 tờ giấy chấm công do các bị cáo sử dụng để viết vào mặt sau với nội dung thể hiện việc giữ chiếc điện thoại di động, anh T không yêu cầu nhận lại nên cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Về phân trách nhiệm dân sự:

Chấp nhận việc các bị cáo Vương Hoàng G và Hà Văn B đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại, cụ thể: Chị Bùi Thị Kim P là vợ của bị cáo Vương Hoàng G và ông Hà Văn B, là cha đẻ của bị cáo Hà Văn B đã tự nguyện bồi thường

cho anh Nguyễn Lâm T tổng số tiền 20.000.000 đồng (mỗi người bồi thường số tiền 10.000.000 đồng). Anh T không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Chấp nhận việc anh Nguyễn Lâm T tự nguyện viết đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Vương Hoàng G, Nguyễn Văn S và Hà Văn B.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Vương Hoàng G, Nguyễn Văn S và Hà Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THATAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

o

